

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST

Ngày: 05 – 9 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 102/2025/TLST – DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1970. Căn cước công dân số 095170005054 cấp ngày 05/9/2023. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Tăng Văn C** (tên gọi khác T), sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

3.2. Ông **Trần Văn S1**, sinh năm 1974. Căn cước công dân số 095074008110. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau). Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/3/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/4/2025 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Vào ngày 20/12/2022, bà Huỳnh Thị L có cho ông Tăng Văn C mượn (vay) số tiền 15.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 03 tháng, khi vay ông C có viết biên nhận ngày 20/12/2022. Sau khi hết thời hạn vay, ông C không trả số tiền 15.000.000 đồng, nhiều lần bà L liên hệ với ông C nhưng ông C hứa hẹn và không thực hiện. Nay bà L yêu cầu ông C trả số tiền 15.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/3/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện (ngày 20/4/2025) là 3.125.000 đồng. Bà L không yêu cầu bà Nguyễn Thị S cùng ông C trả nợ. Số tiền cho ông C vay là tiền riêng của bà L, không phải là tiền chung của bà L và ông Trần Văn S1 trong thời kỳ hôn nhân.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17/7/2025 và ngày 21/8/2025, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông Tăng Văn C trả tiền gốc 4.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/3/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm. Bà L yêu cầu ông C trả số tiền gốc 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Tăng Văn C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2025: Ông C thừa nhận có vay tiền của bà L số tiền 15.000.000 đồng để chi xài cá nhân. Ông C đã trả cho bà L 4.000.000 đồng còn nợ 11.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa có tiền trả cho bà L. Số tiền vay của bà L là nợ riêng của ông C, không phải nợ chung của ông C và bà S. Ông C đồng ý thanh toán nợ cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S1 trình bày: Ông S1 và bà L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi. Số tiền 15.000.000 đồng mà bà L cho ông C vay là tiền riêng của bà L, không liên quan đến ông S1. Ông S1 không yêu cầu trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, bà S là vợ của ông C, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà S không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông C về yêu cầu ông C trả số tiền 11.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà L do rút một phần yêu cầu ông C trả số

tiền gốc 4.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/3/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm. Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà L khởi kiện ông C yêu cầu trả tiền vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà L, ông C, ông S1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà S đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông C, ông S1, bà S theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà L rút một phần yêu cầu ông C trả số tiền gốc 4.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/3/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông C về yêu cầu trả tiền gốc 4.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/3/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm.

[4] Về nội dung: Bà L cho rằng ông C có vay tiền của bà L số tiền gốc 15.000.000 đồng, khi vay ông C có viết Biên nhận ngày 20/12/2022, sau khi khởi kiện ông C có trả cho bà L số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ 11.000.000 đồng. Ông C thừa nhận có viết và ký Biên nhận ngày 20/12/2022 và còn nợ bà L số tiền 11.000.000 đồng.

[5] Căn cứ quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối...mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó, không phải chứng minh*”. Từ đó, có căn cứ xác định giữa bà L với ông C có phát sinh giao dịch vay tiền, số tiền ông C còn nợ bà L là 11.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông C phải thanh toán cho bà L số tiền gốc 11.000.000 đồng theo quy định khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với bà Nguyễn Thị S; Quá trình giải quyết vụ án, ông C cho rằng số tiền nợ của bà L là nợ riêng của ông C, đồng thời bà L cũng xác định chỉ giao dịch vay tiền với ông C nên không yêu cầu bà S cùng ông C trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Đối với ông Trần Văn S1; Ông S1 và bà L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 65/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, ông S1 và bà L đều xác định số tiền 15.000.000 đồng mà bà L cho ông C vay là tiền riêng của bà L, không phải tiền chung của ông S1 và bà L trong thời kỳ hôn nhân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với số tiền 11.000.000 đồng do Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L là 550.000 đồng. Mặc dù, ông C là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nhưng ông C không có đơn xin miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét miễn tiền án phí cho ông C, ông C phải nộp án phí 550.000 đồng. Bà L không phải chịu án phí, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 453.000 đồng theo Biên lai số 0004765 ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 453.000 đồng.

[9] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đối với ông Tăng Văn C, về yêu cầu ông Tăng Văn C trả tiền vay với số tiền gốc 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

2. Buộc ông Tăng Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho Huỳnh Thị L số tiền gốc 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đối với ông Tăng Văn C, về yêu cầu thanh toán số tiền gốc 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/3/2023 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm.

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Tăng Văn C phải nộp số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Huỳnh Thị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 453.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai số 0004765 ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 453.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trang Thảo